TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04- 9 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Quang Lý

Ông Vũ Trung Kiên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 389/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đinh Hồng S, sinh năm 1963

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1984

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận T, Thành phốHồ Chí Minh.

(Ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là ông Đinh Hồng S trình bày: Ông và bà H tự nguyện chung sống vào năm 2002, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quậnT, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số: 52/2002, quyển số: 01/P3, cấp ngày 20/5/2002. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 6/2005 bà H bỏ nhà đi khỏi nơi cư trú, ông đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì. Đến năm 2018 ông gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích, theo quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số:

07/2019/QĐST-DS ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố bà H mất tích từ ngày 01/01/2008. Do vậy nay ông S yêu cầu được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con tên Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 16/6/2002. Ly hôn, ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là bà Lê Thị Lệ H vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là ông Đinh Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn là Lê Thị Lệ H vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đinh Hồng S có đơn yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Lệ H, do bà H có nơi cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn là ông Đinh Hồng S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là bà Lê Thị Lệ H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ cho thấy: Ông S và bà H đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà H là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 07/2019/QĐST-DS ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố: Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1984, nơi cư trú cuối cùng: đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích, ngày mất tích của bà H là ngày 01/01/2008. Theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn". Do vậy, ông S yêu cầu được ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4]Về con chung: Ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 16/6/2002. Ông S không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L đang sống với ông S và nguyện vọng của cháu L cũng muốn được sống với ông S khi cha, mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ vào

các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu L cho ông S trực tiếp nuôi, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông S không yêu cầu.

[5]Về tài sản chung: Không có.

[6]Về nợ chung: Không có.

[7]Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông S phải nộp án phí 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038227 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Đinh Hồng S và bà Lê Thị Lệ H.

2.Về con chung: Giao cháu Đinh Lê Hoàng L, sinh ngày 16/6/2002 cho ông S trực tiếp nuôi. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bà H do ông S không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không có.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do ông S nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0038227 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

6.Về quyền kháng cáo: Ông S, bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường B, quận T, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy CNKH số: 52/2002, quyển số: 01/P3, cấp ngày 20/5/2002;
- Lưu VT, hổ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương